TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 43/2018/DS-PT Ngày: 13/3/2018 V/v: *"Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất "*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Nam.

Các Thẩm phán: Ông Lê Sơn Hà

Ông Đỗ Quảng Oai

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Lan,Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Hoàng Vĩnh Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 03 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2018/TLPT-DS ngày 04 tháng 01 năm 2018 về việc "Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và Hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS - ST ngày 29/9/2017 của Toà án nhân dân huyện MĐ, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXX-PT ngày 06 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1959 *(có mặt)*.

Địa chỉ nơi cư trú: Xóm D, xã HX, huyện ƯH, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H là ông Bùi Xuân T - sinh năm 1949; CMTND: 113014474 do Công an tỉnh Hoà Bình cấp ngày 28/3/2012; Hộ khẩu thường trú: Xóm MĐ, xã HB, huyện KB, tỉnh Hoà Bình *(có mặt)*.

Bị đơn: Văn phòng Công chứng MĐ

Địa chỉ trụ sở: Thôn TT, thị trấn ĐN, huyện MĐ, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H - sinh năm 1958, Trưởng Văn phòng *(vắng mặt)*.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trịnh Văn Đ - sinh năm 1956 *(có mặt)*.

2. Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1963 *(có mặt)*.

3.Anh Trịnh Ngọc N - sinh năm 1985 *(vắng mặt)*.

4. Anh Trịnh Ngọc Đ - sinh năm 1983 *(có mặt)*.

5.Chị Trịnh Như N - sinh năm 1991 *(vắng mặt)*.

6. Ông Trịnh Văn H - sinh năm 1960 *(có mặt)*.

7. Ông Trịnh Việt H - sinh năm 1950 *(có mặt)*.

8. Ông Trịnh Văn H - sinh năm 1962 *(vắng mặt)*.

9. Anh Lê Quốc T - sinh năm 1972 *(vắng mặt)*.

10. Chị Nguyễn Thị Hồng P - sinh năm 1984 *(vắng mặt)*.

11. Bà Trịnh Thị Q - sinh năm 1954 *(có mặt)*.

12. Bà Trịnh Thị N - sinh năm 1958 *(vắng mặt)*.

13. Ông Trịnh Kim Đ - sinh năm 1942 *(vắng mặt)*.

14. Ông Trịnh Từ S - sinh năm 1947 *(vắng mặt)*.

Cùng địa chỉ nơi cư trú tại: Thôn ĐX, xã HN, huyện ỨH, thành phố Hà Nội.

15. Bà Trịnh Thị L - sinh năm 1944 *(vắng mặt)*.

Địa chỉ nơi cư trú tại: Số nhà 41, Tổ 2 phường TA, thị xã NL, tỉnh YB.

16. Ông Nghiêm Xuân Q - sinh năm 1959 *(có mặt)*.

Địa chỉ nơi cư trú tại: Xóm D, xã HX, huyện ỨH, Hà Nội.

17.Chị Trịnh Thị Hg - sinh năm 1964 *(có mặt)*.

Địa chỉ nơi cư trú tại: Thôn ĐX, xã HN, huyện ỨH, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H là ông Bùi Xuân T - sinh năm 1949; CMTND: 113014474 do Công an tỉnh Hoà Bình cấp ngày 28/3/2012; Hộ khẩu thường trú: Xóm MĐ, xã HB, huyện KB, tỉnh Hoà Bình *(có mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn - bà Đỗ Thị H trình bày:

Ngày 02/7/2011 bà H cho vợ chồng ông Đ bà T vay 250 triệu đồng. Do ông Đ bà T chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà H đề nghị Tòa án nhân dân huyện ỨH, thành phố Hà Nội giải quyết. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 09/2014/QĐST-DS ngày 22/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện ỨH ông Đ, bà T nhất trí trả nợ cho vợ chồng bà H nhưng lại không thực hiện. Bà H yêu cầu Chi cục thi hành án huyện ỨH cho thi hành quyết định của Tòa án để thu hồi nợ. Ngày 06/4/2016 khi Chi cục thi hành án quyết định cho thi hành bản án thì bà H được biết: Ngày 14/01/2013 ông Đ, bà T đã tặng cho con trai nhà đất nên không còn tài sản gì để thi hành án. Nhà đất đem tặng cho là tài sản duy nhất của vợ chồng ông Đ, bà T và là cửa hàng vợ chồng ông Đ bà T kinh doanh. Vì có tài sản này mà bà H tin tưởng cho họ vay tiền. Cho rằng vợ chồng ông Đ, bà T gian dối nhằm tẩu tán tài sản trốn tránh nghĩa vụ thi hành án và Văn phòng công chứng MĐ đã tiếp tay cho vợ chồng ông Đ, bà T khi Công chứng hợp đồng tặng cho nhà đất của họ, bà H khởi kiện Văn phòng công chứng MĐ đề nghị Tòa án Tuyên bố Văn bản công chứng của Văn phòng công chứng MĐ đối với Hợp đồng tặng cho nhà đất giữa vợ chồng ông Đ, bà T với con trai là Trịnh Ngọc N vô hiệu; đề nghị Tòa án hủy bỏ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 710 tờ bản đồ số 05 diện tích 130m^2 tại thôn ĐX, HN, ỨH của vợ chồng ông Đ, bà T với con trai là Trịnh Ngọc N. Một lý do khác bà H cho rằng ông Đ, bà T gian dối để yêu cầu hủy hợp đồng là địa chỉ của người nhận nhà đất tại Hợp đồng tặng cho không có thật, đó là anh Trịnh Ngọc N đăng ký hộ khẩu thường trú ở: ĐX, HN, ỨH nhưng hợp đồng tặng cho lại ghi anh N đăng ký hộ khẩu thường trú ở ĐX, HN, MĐ.

Do sau khi được tặng cho nhà đất anh N lại thế chấp nhà đất này cho anh Lê Quốc T vay 07 tỷ đồng nên ngày 10/5/2017 bà H tiếp tục khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng thế chấp thửa đất trên giữa anh N và anh T.

Bị đơn - Đại diện Văn phòng công chứng MĐ ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ngày 14/01/2013 Văn phòng công chứng MĐ có Công chứng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 710 tờ bản đồ số 05 diện tích 130m^2 tại thôn ĐX,

HN, ỨH giữa vợ chồng ông Đ, bà T với con trai là Trịnh Ngọc N. Qua xem xét hồ sơ và tra cứu về thửa đất, ông H thấy tại thời điểm Công chứng Hợp đồng tặng cho thửa đất không có tranh chấp, không thế chấp cho ai. Việc cho, tặng giữa hai bên là tự nguyện và có đầy đủ tài liệu hợp pháp. Về địa chỉ của anh N ở thôn ĐXn, xã HN, ỨH nhưng hợp đồng có ghi địa chỉ anh N trú tại thôn ĐX, xã HN, huyện MĐ là nhầm lẫn do đánh máy. Việc tặng cho nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ Văn phòng không biết là họ giấu diếm nên Văn phòng không có lỗi. Ông H đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của bà H theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi liên quan:

1. Vợ chồng ông Đ và bà T trình bày: Ngày 02/11/2011 ông Đ bà T có vay tiền của bà H, do việc làm ăn không thuận lợi nên chậm trả nợ để bà H phải kiện kiện ra tòa và yêu cầu cơ quan thi hành án giải quyết như bà H trình bày là đúng. Tuy nhiên ông Đ, bà T cho rằng ông bà không thế chấp nhà đất để vay bà H tiền. Nhà đất ông bà được thừa kế của tổ tiên để thờ cúng, khi xây dựng có công sức đóng góp của anh, em, con, cháu trong gia đình nên không thể thi hành án hóa giá trả nợ cho bà H được. Ngày 14/01/2013 ông bà giao lại nhà đất cho anh N để thực hiện nghĩa vụ thờ cúng. Việc tặng cho nhà đất đã được Công chứng theo quy định của pháp luật. Anh N sau khi được tặng cho đã nhận nhà đất và tiếp tục tu sửa. Vì vậy ông bà đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông bà không trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, do làm ăn gặp khó khăn nên xin được trả nợ dần cho bà H.

2. Các anh chị em ruột của ông Đ, bà T và các con của ông Đ, bà T, đều nhất trí với trình bày của ông Đ, bà T. Đề nghị Tòa án không hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Đ, bà T với anh Trịnh Ngọc N đối với thửa đất số 710 tờ bản đồ số 05 diện tích 130m^2 tại thôn ĐX, HN, ỨH. Riêng bà Trịnh Thị Hg em ruột ông Đ cho rằng thửa đất của vợ chồng ông Đ, bà T được bố mẹ cho và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà đất không phải là nơi thờ cúng, không có công sức đóng góp của ai. Ông Đ, bà T cũng vay tiền của bà H chưa trả. Bà đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H để bà Hg cũng có điều kiện thu hồi nợ.

3. Anh Lê Quốc T trình bày: Anh và anh N là anh em họ nên anh có cho anh N vay 07 tỷ đồng và anh N có thế chấp cho anh nhà đất tranh chấp. Nhà đất này là nơi thờ cúng của cả gia đình nên chỉ thế chấp trong gia đình mà không thế chấp

cho người ngoài. Anh T không nhất trí yêu cầu của nguyên đơn đòi hủy Hợp đồng thế chấp nhà đất giữa anh và anh N. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

4. Ông Nghiêm Xuân Q (chồng bà H) trình bày: Tháng 7/2011 ông Đ, bà T vay tiền của vợ chồng ông. Tháng 6/2012 vợ chồng ông đòi nợ thì ông Đ, bà T viết giấy cam kết hẹn trả trước ngày 17/3/2013, nhưng ngày 14/01/2013 khi chưa trả nợ cho vợ chồng ông thì họ tặng cho con trai nhà đất. Như vậy họ khất nợ rồi không trả, dây dưa kéo dài để tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Việc tặng cho nhà đất của vợ chồng ông Đ, bà T ảnh hưởng đến quyền lợi của ông. Ông Q đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Do điều kiện công tác không về tham gia tố tụng tại Tòa án được ông ủy quyền cho bà H thay ông quyết định quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong vụ án.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS - ST ngày 29/9/2017 của Toà án nhân dân huyện MĐ, thành phố Hà Nội đã xét xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung của bà Đỗ Thị H về việc: Tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu của Văn phòng công chứng MĐ đối với Hợp đồng tặng cho nhà đất giữa vợ chồng ông Trịnh văn Đ, bà Nguyễn Thị T với con trai là Trịnh Ngọc N; hủy bỏ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 710 tờ bản đồ số 05 diện tích 130m^2 tại thôn ĐX, HN, ỨH của vợ chồng ông bà T, Đ với con trai là Trịnh Ngọc N; hủy hợp đồng thế chấp thửa đất trên giữa anh N và anh Lê Quốc T.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, tại đơn kháng cáo đề ngày 12/10/2017, nguyên đơn bà Đỗ Thị H và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Hg kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm; tuyên bố văn bản công chứng Hợp đồng tặng cho nhà đất giữa vợ chồng ông Đ, bà T và con trai là anh Trịnh Ngọc N; Huỷ bỏ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 710, tờ bản đồ số 05, diện tích 130m2 tại thôn ĐX, xã HN, huyện ỨH, thành phố Hà Nội của vợ chồng ông Đ, bà T với con trai là Trịnh Ngọc N; Huỷ Hợp đồng thế chấp thửa đất nêu trên giữa anh N và anh T.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Đỗ Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trịnh Thị Hg giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H và bà Hg sau khi phân tích đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trịnh Thị Hg.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

Về tố tụng: Toà án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến quá trình xét xử tại phiên tòa.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị H và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trịnh Thị Hg có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên được xác định là hợp lệ.

Bị đơn Văn phòng công chứng MĐ có đơn xin xét xử vắng mặt; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có đơn kháng cáo, đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên toà hôm nay vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2. Về Nội dung

Xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trịnh Thị Hg, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

Xét Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Đ, bà T và anh N đối với thửa đất số 710 tờ bản đồ số 05 diện tích 130m^2 tại thôn ĐX, HN, ỨH, thành phố Hà Nội.

Về hình thức: Hợp đồng được lập bằng văn bản, có công chứng tại Văn phòng công chứng MĐ, phù hợp với quy định tại Điều 459 Bộ luật dân sự.

Về nội dung: Hợp đồng chuyển quyền sử dụng thửa đất số 710 tờ bản đồ số 05 diện tích 130m^2 tại thôn ĐX, HN, ỨH giữa người chuyển quyền là vợ chồng ông bà T, Đ; người nhận quyền là anh Trịnh Ngọc N. Người cho và người nhận đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự.

Về nguồn gốc Thửa đất số 710 tờ bản đồ số 05 diện tích 130m^2 tại thôn ĐX, HN, ỨH, thành phố Hà Nội là của cụ Trịnh Văn T. Vợ chồng cụ T đã mất, hiện tại tất cả các con của cụ T (hàng thừa kế thứ nhất) đều khẳng định ông Đ được vợ chồng cụ T cho thửa đất nêu trên. Không ai có thắc mắc gì về việc vợ chồng ông Đ, bà T được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, kể cả những người có công sức đóng góp vào nhà đất nêu trên.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tại Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện ỨH và các tài liệu do Chi cục thi hành án dân sự huyện ỨH cung cấp thể hiện: Tại thời điểm Công chứng Hợp đồng tặng cho thửa đất nêu trên không có tranh chấp, ông Đ, bà T không dùng thửa đất này để thế chấp vay tiền của bà H, không phải là tài sản đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho ai. Thửa đất cũng không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn để đảm bảo cho thi hành án. Vợ chồng ông Đ, bà T đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vì vậy ông Đ, bà T có quyền định đoạt quyền sử dụng thửa đất này theo quy định tại Điều 194 Bộ luật dân sự.

Sau khi được tặng cho, anh N đã kiến thiết xây dựng thêm tài sản trên đất đồng thời thế chấp nhà đất cho anh T. Tại Hợp đồng lẽ ra phải ghi nhận anh *" Trịnh Ngọc N.. Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ X, xã HN, huyện ỨH*" nhưng lại ghi là anh "*Trịnh Ngọc N.. Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn ĐX, xã HN, huyện MĐ*" Văn phòng công chứng MĐ xác nhận đây là lỗi sai sót trong đánh máy, sai sót này không phải là căn cứ để xác định hợp đồng bị vô hiệu nên không có căn cứ để hủy bỏ hợp đồng.

Về việc bà H, bà Hg cho rằng vợ chồng ông Đ, bà T tặng cho nhà đất nhằm tẩu tán và trốn tránh nghĩa vụ thi hành án là không có căn cứ bởi lẽ: theo Điều 24 Nghị định 62/CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật thi hành án dân sự quy định " *Kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố tài sản cho người khác mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án và không còn tài sản khác hoặc tài sản khác không đủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên, xử lý để thi hành án…*".

Tại khoản 1 Điều 122 Luật nhà ở năm 2014 quy định về Công chứng, chứng thực hợp đồng và thời điểm có hiệu lực của hợp đồng về nhà ở: *"1. Trường hợp mua bán, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở, chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở thương mại thì phải thực hiện công chứng, chứng thực hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều này.*

Đối với các giao dịch quy định tại khoản này thì thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là thời điểm công chứng, chứng thực hợp đồng."

Trong vụ án này vợ chồng ông Đ, bà T chuyển quyền sử dụng đất cho con trai là anh N được Công chứng tại Văn phòng công chứng MĐ ngày **14/01/2013**. Ngày bà H, bà Hg kiện vợ chồng ông Đ, bà T đòi nợ được Tòa án nhân dân huyện ỨH giải quyết và Quyết định có hiệu lực pháp luật đối với bà H là ngày **22/8/2014**; đối với bà Hg là ngày **18/11/2013**. Như vậy ông Đ, bà T chuyển quyền sử dụng đất cho con trước ngày Bản án có hiệu lực pháp luật nên được xác định là giao dịch hợp pháp, không có căn cứ cho rằng họ tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án được. Thời điểm các bên tặng cho nhà đất Tòa án nhân dân huyện ỨH chưa xét xử vụ án đòi tài sản giữa bà H với ông Đ, bà T. Bởi vậy Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Với các phân tích nêu trên có đủ cơ sở xác định Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Trịnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị T với anh Trịnh Ngọc N đối với thửa đất số 710 tờ bản đồ số 05 diện tích 130m^2 tại thôn ĐX, HN, ỨH, thành phố Hà Nội có hiệu lực, phù hợp quy định tại Điều 459 Bộ luật dân sự năm 2015. Không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trịnh Thị Hg.

Phát biểu của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

2. Về án phí: Do giữ nguyên án sơ thẩm nên nguyên đơn bà Đỗ Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Hg phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 194 , 429, 459, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 122 Luật nhà ở năm 2014; Điều 24 Nghị định 62/CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS - ST ngày 29/9/2017 của Toà án nhân dân huyện MĐ, thành phố Hà Nội.

Tuyên xử:

1.Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung của bà Đỗ Thị H về việc: Tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu của Văn phòng công chứng MĐ đối với Hợp đồng tặng cho nhà đất giữa vợ chồng ông Trịnh văn Đ, bà Nguyễn Thị T với con trai là Trịnh Ngọc N; hủy bỏ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 710 tờ bản đồ số 05 diện tích 130m^2 tại thôn ĐX, HN, ỨH của vợ chồng ông Đ, bà T với con trai là Trịnh Ngọc N; hủy hợp đồng thế chấp thửa đất nêu trên giữa anh N và anh Lê Quốc T.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng

án phí dân sự sơ thẩm bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số 0001325 ngày 02/12/2016 và 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm số 0001637 ngày 13/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MĐ.

Bà Trịnh Thị Hg phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà Hg đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001642 ngày 16/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MĐ.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát NDTP Hà Nội;.
- Tòa án nhân dân huyện MĐ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện MĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Trần Thị Thu Nam